

DOI: 10.58490/ctump.2025i91.3912

**NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM NHÂN TRẮC HỌC KHUÔN MẶT  
CỦA BỆNH NHÂN ĐẾN KHÁM THẨM MỸ TẠI BỆNH VIỆN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2023 - 2024**

*Trần Thanh Gia Hân, Nguyễn Hữu Giàu\*, Trần Huy Phước,  
Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Hồ Thanh Nhân, Trương Thị Kiều Oanh*

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: nhgiau@ctump.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 07/4/2025*

*Ngày phản biện: 24/5/2025*

*Ngày duyệt đăng: 25/9/2025*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Tiêu chuẩn thẩm mỹ khuôn mặt của nhân trắc học ngày càng đa dạng dựa trên cuộc khảo sát với người từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hong Kong, Hàn Quốc cho thấy mỗi quốc gia đều có những kỳ vọng và sở thích riêng về kết quả thẩm mỹ tùy vào sự phát triển của đất nước nói chung và phong tục của từng vùng nói riêng. Ngoài những vấn đề trên, các yếu tố cá nhân chính là nguyên nhân có mối liên quan mật thiết đến sự khác nhau và thay đổi kích thước nhân trắc học. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả một số đặc điểm nhân trắc học vùng mặt và một số yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến nhân trắc học vùng mặt. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 115 khách hàng điều trị tại Trung tâm Thẩm mỹ da của Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, từ 12/2023 đến tháng 12/2024. **Kết quả:** Trên tổng 115 đối tượng nghiên cứu, kích thước giữa hai mắt hầu như không có sự khác biệt. Phần lớn cá thể có sự cân đối trục giữa mặt, đặc biệt ở vùng nhân trung – trụ mũi. Chiều cao từ nếp mí trên đến dưới cung mày tăng trở lại rõ rệt ở nhóm >70 tuổi  $11,50 \pm 1,32$  mm, độ dày môi dưới giảm rõ rệt ở nhóm 40–54 tuổi so với các nhóm trẻ và kích thước môi dưới lớn chiếm tỉ lệ nam giới cao hơn. **Kết luận:** Yếu tố tuổi và giới tính có mức độ ảnh hưởng mật thiết độ lão hóa cũng như sự thay đổi về các kích thước nhân trắc học khuôn mặt theo thời gian. Nghiên cứu này góp phần làm rõ hơn các yếu tố làm thay đổi cấu trúc khuôn mặt, cải thiện các phương pháp can thiệp thẩm mỹ để tối ưu hóa kết quả điều trị

**Từ khóa:** thẩm mỹ khuôn mặt, nhân trắc học.

**ABSTRACT**

**RESEARCH ON FACIAL ANTHROPOLOGETICS OF PATIENTS COMING  
FOR COSMETIC EXAMINATION AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE  
AND PHARMACY HOSPITAL IN 2023 - 2024**

*Tran Thanh Gia Han, Nguyen Huu Giau\*, Tran Huy Phuoc,  
Nguyen Thi Minh Nguyet, Ho Thanh Nhan, Truong Thi Kieu Oanh*

*Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

**Background:** Facial aesthetic standards based on anthropometry have become increasingly diverse. Surveys conducted among individuals from China, Taiwan, Japan, Hong Kong, and South Korea reveal that each country has its own expectations and preferences regarding aesthetic outcomes, which are influenced by the nation's overall development and regional customs. In addition to these factors, individual characteristics play a significant role in the variation and changes in anthropometric measurements. **Objective:** To describe certain anthropometric features of the face and identify personal factors influencing facial anthropometry. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 115 clients receiving treatment at the Dermatology Aesthetic Center of Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital from

December 2023 to December 2024. **Results:** Out of a total of 115 study participants, the intercanthal distance showed little variation among subjects. Most individuals exhibited symmetry along the midfacial axis, particularly in the philtrum–nasal columella region. The height from the upper eyelid crease to the lower brow margin significantly increased in individuals over 70 years old ( $11.50 \pm 1.32$  mm). Lower lip thickness markedly decreased in the 40–54 age group compared to younger groups, and larger lower lip size was more frequently observed in males. **Conclusion:** Age and gender are closely associated with the rate of aging and changes in facial anthropometric dimensions over time. This study contributes to a deeper understanding of the factors influencing facial structure, thereby supporting the advancement of aesthetic interventions to optimize treatment outcomes.

**Keywords:** facial aesthetics, anthropometry.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân trắc học là ngành khoa học nghiên cứu về các số đo và tỉ lệ cơ thể người đánh giá sự khác biệt về hình thái học giữa các cá nhân hoặc nhóm dân cư. Trong lĩnh vực thẩm mỹ và y học lâm sàng, nhân trắc học có vai trò quan trọng trong việc xác định tỉ lệ chuẩn khuôn mặt, cấu trúc cơ thể, cũng như hỗ trợ chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và thiết kế can thiệp cá nhân hóa. Tiêu chuẩn thẩm mỹ khuôn mặt của nhân trắc học ngày càng đa dạng dựa trên cuộc khảo sát với người từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hong Kong, Hàn Quốc cho thấy mỗi quốc gia đều có những kỳ vọng và sở thích riêng về kết quả thẩm mỹ [1] tùy vào sự phát triển của đất nước nói chung và phong tục của từng vùng nói riêng [2]. Ngoài những vấn đề trên, các yếu tố cá nhân chính là nguyên nhân có mối liên quan mật thiết đến sự khác nhau và thay đổi kích thước nhân trắc học. Tuy nhiên, tại Việt Nam nói chung và ở thành phố Cần Thơ nói riêng, các nghiên cứu về đặc điểm nhân trắc học và các tác động từ cá nhân ảnh hưởng đến sự thay đổi nhân trắc học theo thời gian vẫn còn khá hạn chế. Vì lí do trên, đã thúc đẩy chúng tôi tìm hiểu và tiến hành nghiên cứu mục tiêu cụ thể như sau: Mô tả một số đặc điểm nhân trắc học vùng mặt và các yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến nhân trắc học vùng mặt tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2023.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Đối tượng nghiên cứu

Các bệnh nhân điều trị tại Trung tâm Phẫu thuật Thẩm mỹ và chăm sóc da của Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024. Tiêu chuẩn chọn là bệnh nhân đến khám và thực hiện phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ vùng mặt lần đầu tại BVĐHYDCT, không mắc các dị tật bẩm sinh, không biến dạng hoặc chấn thương vùng hàm mặt nặng. Tiêu chuẩn loại trừ là khách hàng không đủ năng lực trả lời câu hỏi nghiên cứu (bệnh tâm thần, sa sút trí tuệ nặng, bệnh cấp tính đang diễn tiến nặng hoặc đang mắc các bệnh toàn thân), giảm thị lực, thính lực nặng, đối tượng không hợp tác

### 2.2 Phương pháp nghiên cứu:

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang
- **Cỡ mẫu:** để đảm bảo đủ số lượng mẫu, chúng tôi tính cỡ mẫu tối thiểu [3] như sau:

$$n = \frac{(Z_{\alpha} + Z_{\beta})^2 \times \sigma^2}{\delta^2}$$

n: Cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu.

(1) Sai sót loại I ( $\alpha$ ): Chọn  $\alpha = 0,05$

(2) Sai sót loại II ( $\beta$ ) hoặc lực mẫu (power là  $1 - \beta$ ): Chọn  $\beta = 0,1$  (hoặc lực mẫu = 0,9)

$\sigma$ : Độ lệch chuẩn. Chọn  $\sigma = 2,82$ . Theo Đặng Văn Khanh (2011) [4]

d: là sai số mong muốn (cùng đơn vị với s). Sai số mong muốn ước tính khi sử dụng phương pháp đo trực tiếp dao động 0,9 - 1mm

Thay công thức tính, có:  $(1,96+1,28)^2 \times 2,82^2/0,9^2 = 103$ , vậy cỡ mẫu tối thiểu là 103 người

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện, trong thời gian nghiên cứu chúng tôi ghi nhận được 115 mẫu thỏa các tiêu chuẩn.

- **Nội dung nghiên cứu:**

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: tuổi và giới tính

Đặc điểm nhân trắc học khuôn mặt:

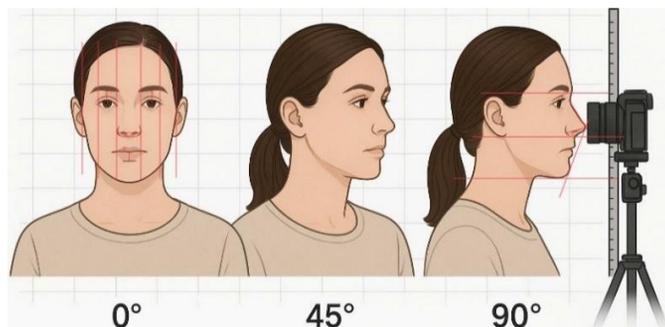
+ Tổng quan khuôn mặt: tư thế thẳng trước tỉ lệ dọc 5 phần dựa trên chiều rộng của mắt, ba tầng mặt

+ Kích thước ở mắt: chiều cao nếp mí trên, chiều cao nếp mí trên đến dưới cung mày

+ Kích thước ở mũi: chiều rộng cánh mũi, chiều dài mũi từ góc đến chóp, chiều cao chóp mũi, độ cân đối nhân trung – trụ mũi, đường nối chóp mũi – cằm

+ Kích thước ở môi: độ dày môi trên môi dưới, tỉ lệ môi trên/ môi dưới

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Chụp ảnh chuẩn hóa khuôn mặt, thống kê các chỉ số nhân trắc học khuôn mặt.



Hình 1. Các góc máy chụp ảnh.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu được nhập và phân tích số liệu bằng: trung bình cộng, tỉ lệ phần trăm, phần mềm SPSS 20.0. Khi  $\alpha < 0,05$  sự khác biệt có được xem là có ý nghĩa thống kê

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện sau khi thông qua Hội đồng Đạo đức Y sinh số 22.145.SV/PCT-HĐĐĐ của trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm chung

Bảng 1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Số lượng (n= 115)	Tỉ lệ (%)
Tuổi	<29	31	27,0 %
	30-39	27	23,5 %

Đặc điểm chung		Số lượng (n= 115)	Tỉ lệ (%)
	40-54	36	31,3 %
	55-69	18	15,7 %
	>70	3	2,6 %
Giới tính	Nam	34	29,6 %
	Nữ	81	70,4 %

Nhận xét: Thống kê trên tổng 115 người, bảng 1 cho thấy tỉ lệ nữ giới và độ tuổi 40-54 chiếm đại đa số lần lượt là 70,4% và 31,3%

### 3.2. Các đặc điểm nhân trắc học khuôn mặt

Bảng 2. Tỉ lệ tổng quan khuôn mặt

Tổng quan	Đều	Không	p
	n (%)	n (%)	
Tỉ lệ dọc 5 phần	1,7 %	98,3 %	0.001
Tỉ lệ 3 tầng mặt	4,3 %	95,7 %	0.001

Nhận xét: Trên tổng 115 người, tỉ lệ khuôn mặt dọc 5 phần và tỉ lệ 3 tầng mặt phần lớn không đều với tỉ số phần trăm là 98,3% và 95,7%, các tỉ lệ này có sự khác biệt khi  $p < 0,05$ .

Bảng 3. Một số kích thước ở mắt

	Mắt (P)	Mắt (T)	Cả 2 mắt	p
	TB ± ĐLC (mm)			
Chiều cao nếp mí trên	1,28 ± 0,82	1,26 ± 0,81	1,26 ± 0,77	0,628
Chiều cao nếp mí trên đến cung mày	8,68 ± 2,00	8,69 ± 1,74	8,65 ± 1,70	0,968

Nhận xét: Trên 115 cặp mắt, trung bình chiều cao nếp mí trên là 1,26 ± 0,77 mm, chiều cao nếp mí trên đến cung mày là 8,65 ± 1,70 mm. Giữa hai mắt không có sự khác biệt với  $p > 0,05$ .

Bảng 4. kích thước ở mũi và môi

	Mũi			Môi	
	Chiều rộng cánh mũi	Chiều dài mũi từ góc đến chóp	Chiều cao chóp mũi	Độ dày môi trên	Độ dày môi dưới
TB ± ĐLC (mm)	34,03 ± 3,86	36,12 ± 3,17	24,16 ± 3,28	6,95 ± 1,21	9,22 ± 1,26
Min – max (mm)	28-49	29-46	16-44	4-10	5-12

Nhận xét: Trên tổng 115 người, các kích thước nhân trắc học ở mũi có khoảng dao động rộng, độ lệch chuẩn nhỏ, cho thấy phân bố tương đối đều tuy nhiên có sự khác biệt giữa các đối tượng. Nhìn chung, kích thước môi dưới dày hơn môi trên

Bảng 5. Tỉ lệ vùng mũi, môi, cằm

		Độ cân đối nhân trung – trụ mũi	Tỉ lệ môi trên/ môi dưới	Đường nối chóp mũi – cằm
Đều/Thẳng	n (%)	80 %	7,8 %	60,9 %
Không	n (%)	20 %	92,2 %	39,1 %

Nhận xét: Trên 115 người, tỉ lệ môi trên/ môi dưới không đều chiếm 92,2%. Độ cân đối nhân trung – trụ mũi và đường nối chóp mũi – cằm phần lớn thẳng lần lượt là 80% và 60,9%.

**3.3. Mối tương quan giữa kích thước mắt, môi so với tuổi và giới tính**

Bảng 6. Mối tương quan giữa kích thước của mắt và môi với tuổi

Tuổi	<29	30-39	40-54	55-69	>70	p
	TB ± ĐLC (mm)					
Chiều cao nếp mí trên	1,35±0,80	1,53±0,63	1,10±0,82	1,05±0,78	1,16±0,76	0,159
Chiều cao nếp mí trên đến cung mày	8,49±1,60	8,54±1,75	8,36±1,50	9,19±1,84	11,50±1,32	0,019
Độ dày môi trên	7,06±1,06	7,19±1,03	6,86±1,47	6,72±1,12	6,00±1,00	0,416
Độ dày môi dưới	9,58±1,14	9,37±1,18	8,69±1,42	9,33±0,97	9,67±1,15	0,043

Nhận xét: Chiều cao nếp mí trên giảm dần và độ dày môi trên không có khác nhau rõ. Chiều cao nếp mí đến cung mày giảm rõ >70 và độ dày môi dưới giảm đáng kể khi lớn tuổi.

Bảng 7. Mối tương quan giữa kích thước của mắt và môi với giới tính

Giới tính	Chiều cao nếp mí trên	Chiều cao nếp mí trên đến cung mày	Độ dày môi trên	Độ dày môi dưới
	TB ± ĐLC (mm)			
Nam	1,18±0,96	8,49±1,72	6,74 ±1,21	9,57±1,23
Nữ	1,30±0,69	8,72±1,70	7,04±1,20	9,07±1,24
p	0,459	0,513	0,225	0,049

Nhận xét: Kích thước ở mắt, môi trên ở nữ cao hơn nam tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa. Độ dày môi dưới ở nam 9,57 ± 1,23 mm cao hơn nữ 9,07 ± 1,24 mm với p = 0,049.

**IV. BÀN LUẬN**

**4.1. Đặc điểm chung**

Trong 115 đối tượng, đa số là nữ giới (70,4%), hai nhóm tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất là 40–54 (31,3%) và 29 (27,0%) phản ánh mức độ quan tâm đáng kể các vấn đề thẩm mỹ ở cả trung niên và người trẻ. Kết quả này phù hợp với báo cáo của Hiệp hội Phẫu thuật Thẩm mỹ Hoa Kỳ (ASAP) năm 2022, trong đó 40–54 tuổi chiếm đến 45% trong tổng số các thủ thuật thẩm mỹ đã thực hiện, vượt trội so với các nhóm tuổi khác [5]. Bên cạnh đó, tỉ lệ nữ giới tham gia các can thiệp thẩm mỹ vẫn luôn chiếm ưu thế rõ rệt so với nam giới trong cả năm 2022 và 2023 [6], cho thấy xu hướng ổn định trong nhận thức và nhu cầu làm đẹp của phụ nữ.

**4.2. Các đặc điểm nhân trắc học khuôn mặt:**

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỉ lệ khuôn mặt không đối xứng chiếm ưu thế, với 98,3% theo phân chia chiều dọc 5 phần, và 95,7% theo phân chia ba tầng mặt. Theo nghiên cứu của Husain Arian và cộng sự, tỉ lệ lý tưởng thẩm mỹ khuôn mặt là theo tỉ lệ vàng (1:1,618) dựa trên mặt nạ Marquardt [1]. Tuy nhiên, các tác giả nhấn mạnh khái niệm về đẹp là tương đối và tùy vào di truyền, xã hội, văn hóa, xu hướng thẩm mỹ từng thời kỳ và địa lý. Do đó, tỉ lệ khuôn mặt đẹp không nên áp dụng cứng nhắc theo tiêu chuẩn cố định [1].

Chiều cao nếp mí trên trung bình ở cả hai mắt là 1,2674 ± 0,77990 mm, trung bình khoảng cách từ nếp mí trên đến cung mày là 8,6543 ± 1,70833 mm. So với nghiên cứu của Hoàng Thị Phương Lan, kích thước của 2 chỉ số ở mắt lần lượt là 2,7 ± 0,7 và 12,5 ± 2,4. Giữa 2 quần thể nghiên cứu, nhóm >40 trở đi ở nghiên cứu này chiếm đến 49,6% trong khi nghiên cứu của Hoàng Thị Phương Lan chỉ 27,7%, chiều cao nếp mí >40 là 1,05-1,16 mm và 1,35-1,53 mm ở nhóm <40, do sự chênh lệch nhóm tuổi nên chiều cao nếp mí trung bình

ở nghiên cứu này thấp hơn so với Hoàng Thị Phương Lan. Nhìn chung, độ lệch chuẩn của các chỉ số khá lớn thể hiện quần thể nghiên cứu có sự khác nhau nhiều về các yếu tố cá nhân, sự khác biệt 2 mắt đều không rõ ràng với  $p > 0,05$  cho thấy sự đối xứng tương đối giữa hai mắt về mặt hình thái học [3].

Về nhân trắc học vùng mũi, trung bình chiều rộng cánh mũi là  $34,03 \pm 3,863$  mm, chiều dài mũi từ gốc đến chóp là  $36,12 \pm 3,171$  mm, và chiều cao chóp mũi đạt  $24,16 \pm 3,281$  mm. Độ thẳng hàng giữa nhân trung – trụ mũi và đường nối từ chóp mũi đến cằm có sự thẳng hàng là 80% và 60,9% cho thấy phần lớn có sự cân đối trục giữa mặt, đặc biệt ở vùng nhân trung – trụ mũi. Với các kích thước mũi và cằm, chưa có nghiên cứu nào đưa ra các chỉ số cụ thể chính xác tính thẩm mỹ lý tưởng của chiếc mũi ở các nền văn hóa và dân tộc [7], [8].

Độ dày môi trên trung bình là  $6,95 \pm 1,213$  mm trong khi môi dưới là  $9,22 \pm 1,260$  mm, cho thấy môi dưới dày hơn môi trên. Từ đó ghi nhận được đa số có sự không cân đối giữa môi trên và môi dưới (92,2%). Kết quả tương đồng với tỉ lệ tối ưu giữa chiều cao theo chiều dọc của môi trên so với môi dưới ở người da trắng trẻ tuổi đã được chứng minh là 1: 1,6 hay lớn hơn ở người da đen theo nghiên cứu của Husain Arian và cộng sự [1]. Khác với nghiên cứu trên, Heidekruger đã đưa ra tỉ lệ môi 1:1 là hấp dẫn nhất từ 35 quốc gia khác nhau [9].

#### 4.3. Mối tương giữa kích thước mắt, môi so với tuổi và giới tính:

Khi so sánh các nhóm tuổi, chiều cao nếp mí trên giảm dần theo tuổi dù sự khác biệt không lớn. Chiều cao từ nếp mí trên đến dưới cung mày ở nhóm <29 là  $8,49 \pm 1,60$  mm, tăng trở lại rõ rệt ở nhóm >70 tuổi  $11,50 \pm 1,32$  mm, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Matros khi chiều cao lông mày đồng từ ở nhóm tuổi 50-60 là 22,4 và ở 20-30 tuổi là 19,8 mm [10]. Việc tăng khoảng cách từ nếp mí đến cung mày là do quá trình lão hóa, sự tiêu xương trên trong và dưới ngoài, dịch chuyển ngang của ổ mắt, sự teo mỡ dưới da kèm các nếp nhăn trán ngang dài phát triển do tác động của các cơ trán nâng trán và lông mày [11]. Độ dày môi dưới giảm rõ rệt ở 40–54 tuổi so với các nhóm trẻ hơn, ở nam giới  $9,57 \pm 1,232$  mm lại cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nữ giới  $9,07 \pm 1,249$  mm. Kết quả này khá tương đồng khi số liệu ghi nhận tất cả các phép đo môi đều lớn hơn ở nam so với nữ và nhóm trẻ tuổi luôn có số đo cao hơn lớn tuổi ở nghiên cứu của Daniele Gilbelli với các cộng sự [12].

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy chiều cao từ nếp mí trên đến dưới cung mày tăng trở lại ở nhóm >70 là  $11,50 \pm 1,32$  mm, độ dày môi dưới giảm rõ rệt ở nhóm 40–54 tuổi so với các nhóm trẻ và kích thước môi dưới lớn chiếm tỉ lệ nam giới cao. Yếu tố tuổi và giới tính ảnh hưởng mật thiết đến lão hóa cũng như sự thay đổi về kích thước nhân trắc học khuôn mặt theo thời gian. Kết quả này góp phần làm rõ hơn các yếu tố làm thay đổi cấu trúc khuôn mặt, cải thiện các phương pháp can thiệp thẩm mỹ để tối ưu hóa kết quả điều trị cho bệnh nhân.

## LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo Quyết định giao thực hiện số 4630 /QĐ-ĐHYTCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arian H., Alroudan D., Alkandari Q., Shuaib A. *Cosmetic Surgery and the Diversity of Cultural and Ethnic Perceptions of Facial, Breast, and Gluteal Aesthetics in Women: A Comprehensive*

- Review. *Clin Cosmet Investig Dermatol*. 2023;16:1443-1456. doi:10.2147/CCID.S410621. PMID: PMC10258039
- Weeks D. M., Thomas J. R. *Beauty in a multicultural world. Facial Plast Surg Clin North Am*. 2014;22(3):337-341. doi:10.1016/j.fsc.2014.04.005.Epub 2014 Jun 10. PMID: 25049119
  - Hoàng Thị Phương Lan. *Nghiên cứu hình thái nhân trắc học và phẫu thuật tạo hình nếp mí trên ở nữ người Việt trưởng thành*. Đại học Y Hà Nội; 2022. 190.
  - Đặng V. Khanh, Lê G. Vinh. *Nghiên cứu các kích thước và chỉ số nhân trắc vùng ngoài ổ mắt ở người Việt trưởng thành. Tạp chí Y dược học lâm sàng*. 2011;108(S2):122–125.
  - American Society of Plastic Surgeons. *American Society of Plastic Surgeons breaks down 2022*.
  - International Society of. *Plastic surgery trends among different demographics*. 2023.
  - Broer PN, Buonocore S, Morillas A, Liu J, Tanna N, Walker M, Ng R, Persing JA. Nasal aesthetics: a cross-cultural analysis. *Plast Reconstr Surg*, 2012, 130(6), 843-850, doi: 10.1097/PRS.0b013e31826da0c1
  - Broer PN, Juran S, Liu YJ, Weichman K, Tanna N, Walker ME, Ng R, Persing JA. The impact of geographic, ethnic, and demographic dynamics on the perception of beauty. *J Craniofac Surg*, 2014, 25(2), 61-157, doi: 10.1097/SCS.0000000000000406
  - Kashmar M, Alsufyani MA, Ghalamkarpour F, Chalouhi M, Alomer G, Ghannam S, El Minawi H, Saedi B, Hunter N, Alkobaisi A, Rafla K, Zari S, Abdel Razzak Elsayed M, Hamdan F, Santangelo S, Khater M, Rogers JD. Consensus Opinions on Facial Beauty and Implications for Aesthetic Treatment in Middle Eastern Women. *Plast Reconstr Surg Glob Open*, 2019, 7(4), 2220, doi: 10.1097/GOX.0000000000002220
  - Evan Matros, Jesus A Garcia, Michael J Yaremchuk. Changes in eyebrow position and shape with aging. *Plast Reconstr Surg*, 2009, 124(4), 1296-1301, DOI: 10.1097/PRS.0b013e3181b455e8
  - Zrinka Bukvić Mokos, Danijela Čurković, Krešimir Kostović, Romana Čeović. Facial changes in the mature patient. *Clinics in Dermatology*, 2018, 36(2), 152-158, <https://doi.org/10.1016/j.clindermatol.2017.10.006>
  - Gibelli, D., Codari, M., Rosati, R. *et al*. A Quantitative Analysis of Lip Aesthetics: The Influence of Gender and Aging. *Aesthetic Plastic Surgery*, 2015, 39, 771–776, <https://doi.org/10.1007/s00266-015-0495-7>.
-